TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **84**/2022/HNGĐ-ST
Ngày 23-6-2022
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Minh Út

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Huy Quang

Ông Ngô Quốc Sự

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Anh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 23 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Cao Thị N, sinh năm 1985 (xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Hồ Văn T, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Cùng cư trú: Ấp 3, xã L, huyện M, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là chị Cao Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Cao Thị N và anh Hồ Văn T tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2010, không có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn là anh T có hành vi bạo lực gia đình, có quan hệ như vợ chồng với người phụ nữ khác. Nay chị N yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị Cao Thị N và anh Hồ Văn T có 03 người con chung tên Hồ Bảo Tr (nữ), sinh ngày 20-8-2011, Hồ Bảo H (nữ), sinh ngày 22-10-2013 và Cao Bảo A (nam), sinh ngày 17-5-2021, hiện nay đang sống chung với chị N. Khi ly hôn, chị N yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng các con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Chị Cao Thị N xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 23-6-2022, chị Cao Thị N có đơn yêu cầu giữ nguyên nội dung khởi kiện và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn đúng theo quy định pháp luật, nhưng anh Hồ Văn T không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 23-6-2022, chị Cao Thị N có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt đúng theo quy định pháp luật; anh Hồ Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên xem như từ bỏ quyền của mình tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị N và anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Cao Thị N và anh Hồ Văn T tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2010. Tuy chị N và anh T xác lập quan hệ hôn nhân trên tinh thần tự nguyện và có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nhưng trong quá trình chung sống, đến thời điểm yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn không có đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ, chồng theo quy định tại Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về nuôi con chung: Tại văn bản ghi ý kiến con chung ngày 29-3-2022, Bảo Tr và Bảo H có nguyện vọng sống chung với chị N; xét điều kiện hiện nay chị N vẫn đảm bảo nuôi dưỡng các con. Đối với anh T, từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay, anh T không có văn bản thể hiện ý kiến về quyền nuôi con. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi của con chung khi ly hôn, cần giao Bảo Tr, Bảo H và Bảo A cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Anh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Cao Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị Cao Thị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của chị N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 14, 53, 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Cao Thị N và anh Hồ Văn T là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Hồ Bảo Tr (nữ), sinh ngày 20-8-2011, Hồ Bảo H (nữ), sinh ngày 22-10-2013 và Cao Bảo A (nam), sinh ngày 17-5-2021 cho chị Cao Thị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Hồ Văn T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Cao Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí sơ thẩm: Chị Cao Thị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Ngày 24 tháng 02 năm 2022, chị Cao Thị N đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai số 0010299 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, được chuyển thu.

Chị Cao Thị N và anh Hồ Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Dương Minh Út